

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HS-ST
Ngày: 29 - 04 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn

2. Ông Thạch Đa Ra

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Bùi Bá Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2026/HSST, ngày 06 tháng 3 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 04 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành T, sinh ngày 19/9/1989; Nơi cư trú: phường T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện tại: khóm D, phường N, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1965. Bị cáo có vợ Thái Thị D, sinh năm 1992 và 01 người con. Tiền án, tiền sự không bị bắt tạm giam từ ngày 10/12/2025 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Thạch Hoàn H, sinh năm 2007 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh **Lê Trung H1**, sinh năm 1982. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường N, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 22/10/2025, bị cáo Nguyễn Thành T sinh ngày 19/9/1989, nơi thường trú: Khóm D, phường N, tỉnh Vĩnh Long đang ở nhà thì có người bạn tên L (chỉ biết tên gọi ngoài không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) đến rủ T đi uống cà phê. Do trước đó T đi công việc về ngang quán lẩu Nồi đất thuộc khóm H, phường N, tỉnh Vĩnh Long, phát hiện chiếc xe mô tô biển số 84AM-00727 của em Thạch Hoàn H, sinh ngày 28/8/2007, nơi thường trú: Ấp S, xã N, tỉnh Vĩnh Long đậu bên hông quán không có người trông coi nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lấy lý do là đi mượn xe của bạn, bị cáo T lấy biển số xe cũ 51-T9 3548 bỏ vào trong áo khoác và nhờ L chở đến khu vực gần quán ăn lẩu bò Nồi Đất bằng chiếc xe sirius màu trắng đỏ, biển số 84B1-191.67 của bà Nguyễn Thị Lệ H2 (là chị ruột và ở cùng nhà với bị cáo T) đang để ở nhà. Khi gần đến quán ăn lẩu bò N Đất bị cáo T xuống xe và kêu L chạy xe về trước còn bị cáo T quan sát xung quanh không có người nên lấy trộm xe mô tô 84AM-00727 dẫn bộ về hướng đường T nói dài, được một đoạn thì bị cáo Triệu bút dây điện để khởi động xe, chạy xe đến khu vực Quốc lộ F thuộc ấp B, xã S thì dừng xe, thay đổi biển số xe 51-T9 3548 vào, gỡ biển số 84AM-00727 và gương chiếu hậu bên trái ném bỏ ở khu đất trống cỏ rạp theo Quốc lộ F. Sau đó, bị cáo T chạy xe đến đường Võ Nguyên Giáp gặp ông Lê Trung H1, sinh ngày 22/11/1982, nơi thường trú: Khóm A, phường N, tỉnh Vĩnh Long, nơi ở hiện tại: Khóm X, phường N, tỉnh Vĩnh Long để cầm chiếc xe mô tô trên với giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), ông H1 đưa cho bị cáo T 900.000 đồng, lý do là lấy tiền lãi cầm cố tài sản với số tiền là 100.000 đồng, khi lấy được tiền thì bị cáo T đi xe ôm về nhà tại khóm D, phường N, tỉnh Vĩnh Long. Có được số tiền trên bị cáo T đã tiêu xài cá nhân hết.

Qua xác minh, Công an phường N, tỉnh Vĩnh Long đã mời bị cáo T lên làm việc tại cơ quan Công an bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, qua kiểm tra chất ma túy trong cơ thể phát hiện bị cáo T dương tính với chất ma túy loại Methamphetamin.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự trên địa bàn phường N kết luận: Một xe mô tô nhãn hiệu SAKI MOTO, số loại KARIR ALPHA, màu sơn đỏ - đen, tại thời điểm ngày 22/10/2025 có giá trị là: 10.010.000 đồng (Mười triệu lẻ mười ngàn đồng).

Về tình tiết tăng nặng: Không

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra thành khẩn khai báo, quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự

- Đối với ông Lê Trung H1 là người đã cầm chiếc xe mô tô do bị cáo T trộm cắp, bị cáo T không nói và H1 cũng không biết chiếc xe mô tô do bị cáo T trộm cắp mà có, đồng thời khi cơ quan điều tra làm việc ông H1 đã thành khẩn và tự giao nộp chiếc xe mô tô là vật chứng của vụ án cho cơ quan điều tra và cũng không

yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền mà bị cáo T đã cầm xe được là 900.000 đồng, nên không đủ cơ sở để xử lý.

- Đối với người tên L mà bị cáo T đã nhờ chở đi để bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do bị cáo T chỉ biết tên L không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thể xác minh và làm việc được với L, khi nào xác minh được xem xét xử lý sau.

- Đối với bà Nguyễn Thị Lệ H2 là chị ruột của bị cáo T, việc T sử dụng chiếc xe sirius màu trắng đỏ, biển số 84B1-191.67 đi trộm cắp tài sản thì bà H2 hoàn toàn không biết, nên không xem xét xử lý.

- Đối với biển số xe 51T9- 3548 mà bị cáo T đã gắn vào chiếc xe mô tô trộm cắp tài sản, bị cáo T khai nhận mua xe Drame biển số trên tại thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ cụ thể cửa hàng) với giá 1.200.000 đồng, sau đó bán xe trên và giữ lại biển số 51T9-3548, Qua kết quả tra cứu, xe mô tô có số khung, số máy nêu trên do ông Châu Văn Q, địa chỉ thường trú: Số D, P, phường C, Quận A, thành Phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Qua xác minh tại địa chỉ trên không có ai tên Châu Văn Q cư trú tại đó nên cơ quan điều tra không tiến hành làm việc được.

- Đối với việc bị cáo T có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Qua xác minh bị cáo T không thuộc đối tượng quản lý sau cai nghiện, nên hành vi của bị cáo T không cấu thành tội Sử dụng trái phép ma túy quy định tại Điều 256a Bộ Luật hình sự, Cơ quan điều tra đã ra quyết định Xử phạt vi phạm hành chính 1.750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Việc thu giữ, tạm giữ, đồ vật: xử lý vật chứng:

Vật chứng thu giữ: 01 (một) mô tô nhãn hiệu SAKI MOTOR, số loại KARIK ALPHA, màu sơn đỏ - đen, số máy: SKI1P39FMBB100407, số khung: RL9GCB7LSNVCV00409, gắn biển số 51-T9 3548 (đã qua sử dụng); 01 (một) biển số xe mô tô 84AM-00727; 01 (một) kính chiếu hậu bên trái của xe mô tô.

Xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại em Thạch Hoàn H và ông Thạch Rat Ta R (là cha của H) là chủ sở hữu hợp pháp 01 (một) mô tô nhãn hiệu SAKI MOTOR, số loại KARIK ALPHA, màu sơn đỏ - đen, số máy: SKI1P39FMBB100407, số khung: RL9GCB7LSNVCV00409, 01 (một) biển số xe mô tô 84AM-00727; 01 (một) kính chiếu hậu bên trái của xe mô tô.

Hiện còn tạm giữ: 01 biển số 51-T9 3548 (đã qua sử dụng)

Về trách nhiệm dân sự: em Thạch Hoàn H và ông Thạch Rat Ta R (là cha của H) là chủ sở hữu hợp pháp đã nhận lại tài sản em H và ông Thạch Rat T3 Ra không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKSKV10 ngày 05/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Vĩnh Long đã truy tố Nguyễn Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Vĩnh Long vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản” như bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Đồng thời đề nghị xử lý tang vật chứng và buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thành T đã khai nhận:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 22/10/2025, tại quán L1 Đất, thuộc khóm H, phường N, tỉnh Vĩnh Long bị cáo Nguyễn Thành T đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của em Thạch Hoàn H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SAKI MOTOR, số loại KARIK ALPHA, màu sơn đỏ - đen, số máy: SKI1P39FMBB100407, số khung: RL9GCB7LSNCV00409, biển số xe mô tô 84AM-00727 trị giá là 10.010.000 đồng (Mười triệu lẻ mười ngàn đồng). Sau khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo đem cầm cho Lê Trung H1 được 900.000đ lấy tiền tiêu xài.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thành T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu đã 01 lần bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng khi mãn hạn tù ra ngoài xã hội bị cáo không chịu tạo lập cho bản thân một nghề nghiệp chân chính mà lại tiếp tục phạm tội mới. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo. Nên xem đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự; Bị hại em Thạch Hoàn H đã nhận lại được tài sản là một xe mô tô nhãn hiệu SAKIMOTOR, biển số 84AM-00727 nên không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Trung H1 không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về vật chứng: 01 biển số 51T9-3548 tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/12/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Thạch Hoàn H không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Trung H1 không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về vật chứng: Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 biển số 51T9-3548.

4. Về án phí: Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Thành T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 10-Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Sỹ